

Điều 6. — Cảnh sát nhân dân có kỷ luật nghiêm minh, đội ngũ chặt chẽ, thống nhất từ trung ương đến địa phương. Tổ chức Cảnh sát nhân dân do Hội đồng Chính phủ quy định.

Điều 7. — Chế độ cấp bậc của sĩ quan và hạ sĩ quan Cảnh sát nhân dân sẽ quy định bằng một pháp lệnh riêng.

Điều 8. — Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân nào thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc phạm sai lầm khuyết điểm trong công tác thì bị kỷ luật, nếu phạm tội thì bị truy tố trước pháp luật.

Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân có thành tích xuất sắc thì được khen thưởng.

Pháp lệnh này đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa thông qua ngày 16 tháng 7 năm 1962.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

HOÀNG VĂN HOAN

PHÁP LỆNH

**quy định chế độ cấp bậc của sĩ quan
và hạ sĩ quan Cảnh sát nhân dân
nước Việt-nam dân chủ cộng hòa**

Để tăng cường việc xây dựng Cảnh sát nhân dân nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, tăng cường lực lượng giữ gìn trật tự an ninh của Nhà nước, bảo vệ quyền lợi của nhân dân;

Để xác định trách nhiệm và vinh dự, nâng cao ý thức tổ chức và ý thức kỷ luật của cán bộ và chiến sĩ Cảnh sát nhân dân;

Căn cứ vào điều 53 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa,

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định chế độ cấp bậc của sĩ quan và hạ sĩ quan Cảnh sát nhân dân như sau:

Điều 1. — Hệ thống cấp bậc của sĩ quan và hạ sĩ quan Cảnh sát nhân dân gồm có:

A. Sĩ quan có ba cấp:

1. Cấp tướng có hai bậc:

- trung tướng
- thiếu tướng

2. Cấp tá có bốn bậc:

- đại tá
- thượng tá
- trung tá
- thiếu tá

3. Cấp úy có bốn bậc:

- đại úy
- thượng úy

— trung úy

— thiếu úy

Chuẩn úy là cấp bậc chuẩn bị lên sĩ quan.

B. Hạ sĩ quan có ba bậc:

— thượng sĩ

— trung sĩ

— hạ sĩ

Điều 2. — Việc xét phong cấp bậc cho cán bộ và chiến sĩ Cảnh sát nhân dân căn cứ vào phẩm chất chính trị, năng lực nghiệp vụ, chức vụ hiện tại, thành tích phục vụ trong Công an, trong Cảnh sát nhân dân và công lao đối với cách mạng của cán bộ và chiến sĩ.

Điều 3. — Quyền phong cấp bậc đối với sĩ quan và hạ sĩ quan quy định như sau:

Quyền phong các cấp bậc từ thượng tá trở lên theo như quy định đối với các cấp bậc tương đương trong Quân đội nhân dân;

Bộ trưởng Bộ Công an phong các cấp bậc từ chuẩn úy đến trung tá;

Quyền phong cấp bậc đối với hạ sĩ quan do Hội đồng Chính phủ quy định.

Điều 4. — Việc xét thăng cấp bậc cho sĩ quan và hạ sĩ quan căn cứ vào nhu cầu công tác, vào phẩm chất chính trị, năng lực nghiệp vụ, thành tích chiến đấu, thành tích công tác và niên hạn ở cấp bậc hiện tại của sĩ quan và hạ sĩ quan.

Điều 5. — Niên hạn tối thiểu của sĩ quan và hạ sĩ quan để được xét thăng cấp bậc quy định như sau:

— từ hạ sĩ lên trung sĩ	hai năm
— từ trung sĩ lên thượng sĩ	hai năm
— từ thượng sĩ lên chuẩn úy	hai năm
— từ chuẩn úy lên thiếu úy	hai năm
— từ thiếu úy lên trung úy	ba năm
— từ trung úy lên thượng úy	ba năm
— từ thượng úy lên đại úy	bốn năm
— từ đại úy lên thiếu tá	hơn năm
— từ thiếu tá lên trung tá	bốn năm
— từ trung tá lên thượng tá	năm năm
— từ thượng tá lên đại tá	năm năm

Thời gian sĩ quan và hạ sĩ quan học tập tại trường quân sự, chính trị, nghiệp vụ đều được tính vào niên hạn để xét thăng cấp bậc.

Những sĩ quan và hạ sĩ quan có công trạng và thành tích đặc biệt trong chiến đấu hoặc trong công tác thì có thể được xét thăng cấp bậc trước khi đủ niên hạn.

Điều 6. — Quyền thăng và giáng cấp bậc đối với sĩ quan và hạ sĩ quan quy định như sau:

Quyền thăng lên các cấp bậc từ thượng tá trở lên theo như quy định đối với các cấp bậc tương đương trong Quân đội nhân dân;

Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thăng lên các cấp bậc từ trung úy đến trung tá;

Quyền thăng lên các cấp bậc từ trung sĩ lên thiếu úy do Hội đồng Chính phủ quy định.

Người có thẩm quyền thăng lên cấp bậc nào thì có thẩm quyền giáng đối với cấp bậc ấy.

0964 19

www.HuuTienPhap.com * Tel: +84-8-3845064 * LawSoft

Điều 7. — Mỗi lần thăng hoặc giáng cấp bậc của sĩ quan và hạ sĩ quan chỉ được thăng hoặc giáng một bậc. Trong những trường hợp đặc biệt có thể thăng hoặc giáng nhiều bậc.

Việc thăng hoặc giáng nhiều bậc đối với cấp bậc từ thượng tá trở lên theo như quy định đối với các cấp bậc tương đương trong Quân đội nhân dân.

Bộ trưởng Bộ Công an quyết định thăng nhiều bậc lên các cấp bậc từ thiếu úy đến trung tá và giáng nhiều bậc đối với các cấp bậc từ thiếu úy đến trung tá.

Quyền thăng nhiều bậc lên các cấp bậc từ trung sĩ đến chuẩn úy và giáng nhiều bậc đối với các cấp bậc từ trung sĩ đến chuẩn úy do Hội đồng Chính phủ quy định.

Điều 8. — Những sĩ quan và hạ sĩ quan nào bị giáng cấp bậc, thì niên hạn để xét thăng cấp bậc mới sẽ tính từ ngày bị giáng cấp bậc.

Những sĩ quan và hạ sĩ quan bị giáng cấp bậc về sau đã sửa chữa sai lầm, biểu hiện tiến bộ, hoặc có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong công tác thì có thể xét thăng cấp bậc trước khi đủ niên hạn.

Điều 9. — Những sĩ quan và hạ sĩ quan phạm pháp bị Tòa án xử phạt tù thì bị tước cấp bậc.

Điều 10. — Trong trường hợp một sĩ quan hoặc một hạ sĩ quan giữ chức vụ phụ thuộc vào một sĩ quan hoặc một hạ sĩ quan có cấp bậc ngang với mình hoặc thấp hơn mình, thì trong khi thi hành nhiệm vụ, người giữ chức vụ phụ thuộc phải phục tùng người giữ chức vụ chính.

Điều 11. — Hội đồng Chính phủ quy định cấp hiệu, phù hiệu, phù hiệu có kết hợp cấp hiệu, số hiệu và lễ phục của sĩ quan và hạ sĩ quan Cảnh sát nhân dân.

Pháp lệnh này đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa thông qua ngày 16 tháng 7 năm 1962.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

HOÀNG VĂN HOAN

PHỦ THỦ TƯỚNG

THÔNG TƯ số 1861-KT ngày 21-7-1962 về việc giải thích điều lệ tạm thời quy định những nguyên tắc xử lý trong việc chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế ban hành do nghị định số 29-CP ngày 23-2-1962.

* Căn cứ vào nghị định số 29-CP ngày 23-2-1962 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời

quy định những nguyên tắc xử lý trong việc chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế, Hội đồng trọng tài trung ương giải thích và quy định chi tiết hướng dẫn thi hành các điều khoản đã ghi trong điều lệ.

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA VIỆC BAN HÀNH ĐIỀU LỆ

Bản điều lệ này được ban hành nhằm mục đích:

— Củng cố chế độ hợp đồng kinh tế, tăng cường ý thức tổ chức và kỷ luật, nâng cao công tác hợp đồng lên một bước, đưa việc ký kết và thực hiện hợp đồng đi dần vào nề nếp.

— Thông qua chế độ hợp đồng kinh tế mà đề cao và quy định rõ trách nhiệm của tập thể, của cá nhân trong việc hoàn thành kế hoạch, tăng cường trách nhiệm của từng xí nghiệp, cơ quan trước Nhà nước, đồng thời cũng đề cao trách nhiệm chung trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng đã ký kết.

— Bảo đảm lợi ích vật chất của hai bên cùng ký kết nhằm tăng cường và củng cố chế độ hạch toán kinh tế trong các xí nghiệp và cơ quan Nhà nước.

Bản điều lệ xử lý được ban hành chứng tỏ nền kinh tế nước ta đang trên đà tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc, công tác kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân ngày càng trưởng thành, và việc thi hành chế độ hợp đồng kinh tế đòi hỏi phải được tăng cường và củng cố kịp thời. Bản điều lệ tạm thời này là một biện pháp quan trọng để chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Nó là một công cụ để đấu tranh có tác dụng giáo dục tinh thần kỷ luật hợp đồng và pháp lệnh của kế hoạch.

II. TRÁCH NHIỆM KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

1. Trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng.

Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển có kế hoạch, nhịp nhàng và cân đối, giữa các ngành, các cấp thường xuyên phải có mối quan hệ chặt chẽ. Nếu một xí nghiệp, cơ quan không làm tròn nhiệm vụ của mình sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của các xí nghiệp, cơ quan khác, làm khó khăn cho việc hoàn thành kế hoạch kinh tế quốc dân. Do đó, chúng ta cần xác định trách nhiệm ký kết cũng như trách nhiệm thực hiện hợp đồng đã ký kết. Việc ký kết phải theo đúng chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, không được ký dưới chỉ tiêu đã ban hành và phải bảo đảm ký đúng thời gian đã quy định. Các bản hợp đồng phải được hợp lệ, không vi phạm thể lệ đã ban hành.

Việc thực hiện hợp đồng đã ký kết phải hết sức nghiêm chỉnh và cả hai bên phải có ý thức tự giác về nghĩa vụ giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau thi hành được đầy đủ và có kết quả tốt.

Vì vậy, bất cứ một ngành, một đơn vị nào, nếu từ chối ký kết, ký kết không đúng thời gian quy định, ký kết dưới chỉ tiêu kế hoạch, tự ý hủy bỏ,